

Bản án số: 235/2023/DS-PT
Ngày 18/12/2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Triều

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Bà Nguyễn Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 24/11/2023 và ngày 18/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2020/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 231/2023/QĐXX-PT ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Khắc P, Văn phòng Luật sư Phạm Khắc P thuộc Đoàn Luật sư thành phố C. Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Thành S, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q, Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K. Có mặt ngày 24/11/2023, vắng mặt ngày 18/12/2023.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lưu Thị Xuân H1, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Tổ A khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà **H1**: Ông **Lê Thành S**, sinh năm 1963.
Địa chỉ: **Tổ A khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 10/3/2020).

2. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: **Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang**. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông **T**: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: **Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 05/3/2020).

3. Chị **Nguyễn Thị Kim E**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: **Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang**. Có mặt.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/3/2019, đơn yêu cầu rút một phần nội dung khởi kiện ngày 09/12/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị H** trình bày:

Vào ngày 04/8/2018 (dương lịch) tại **số nhà C ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang** bà có cho ông **Lê Thành S** vay số tiền là 5.000.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Bà và ông **S** thỏa thuận trả lãi hàng tháng với số tiền là 100.000.000 đồng, tuy nhiên đến nay ông **S** chưa thanh toán gốc, lãi.

Ngày 24/8/2018 (dương lịch) cũng tại **số nhà C ấp C**, bà tiếp tục cho ông **S** vay số tiền là 10.000.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Bà và ông **S** thỏa thuận trả lãi hàng tháng với số tiền là 200.000.000 đồng nhưng đến nay ông **S** chưa thanh toán gốc, lãi.

Khoảng 03 - 04 ngày trước khi bà cho vay tiền lần đầu, ông **S** và vợ là bà **Lưu Thị Xuân H1** đến nhà bà hỏi vay tiền để cho người khác vay lại và làm vốn mua bán. Khi giao nhận tiền không có mặt của bà **H1**, việc giao, nhận tiền được thực hiện tại nhà của bà ở **số nhà C ấp C**. Khi giao, nhận tiền chỉ có ông **S** và các thành viên trong gia đình bà gồm chồng bà là ông **Nguyễn Văn T**, con của bà là các chị **Nguyễn Thị Kim H2**, **Nguyễn Thị Kim E** và **Nguyễn Thị Kim T1** chứng kiến. Chị **Kim E** là người viết giấy nợ, loại tiền bà cho ông **S** vay mệnh giá 500.000 đồng, ông **S** là người trực tiếp đếm tiền, nhận tiền, thời gian ông **S** đến nhà bà nhận tiền vào khoảng 18h tối.

Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu ông **S** và vợ là bà **Lưu Thị Xuân H1** trả cho bà số tiền vay vốn gốc là 15.000.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay.

Tại đơn yêu cầu rút một phần nội dung khởi kiện ngày 09/12/2019 và tại phiên tòa, bà rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay vốn gốc là 5.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 04/8/2018 (dương lịch) cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 29/3/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là ông Lê Thành S trình bày:

Ông xác định việc bà H cho rằng vào ngày 24/8/2018 (dương lịch) ông đã trực tiếp lại nhà bà H mượn tiền và ký giấy nhận nợ vào khoảng 18h tối là hoàn toàn không đúng sự thật. Bởi lẽ, ngày 24/8/2018 (dương lịch) là nhằm ngày 14/7/2018 (âm lịch), vào tháng 7 âm lịch hàng năm là mùa Lễ Vu Lan nên trong suốt tháng 7 âm lịch ông không ở nhà ban đêm mà bắt đầu từ 15h đến 16h hàng ngày ông phải chạy xe vào Chùa N ở M để dâng hương, tụng kinh cho đến khoảng 6h – 7h sáng hàng ngày mới trở về. Đặc biệt, ngày 14/7 (âm lịch) là lễ sám hối rất quan trọng, ông là phật tử của chùa N nên không năm nào không dự lễ này. Việc ông dự lễ trong chùa vào các tối trong tháng 7 âm lịch hàng năm có rất nhiều người biết.

Gia đình ông không thiếu thôn tiền bạc, bản thân ông và gia đình đều có khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng từ nhiều năm nay, tại thời điểm bà H làm khống giấy nợ cho rằng ông nợ bà 15.000.000.000 đồng thì ông cũng có tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng nên nhu cầu vay cầu vay vốn là không có. Theo các Giấy nhận nợ bà H cung cấp thì lãi suất cho vay là 24%/năm, không có lí do gì ông có tiền gửi tại Ngân hàng chỉ được lãi suất 6 -7%/năm nhưng không rút ra sử dụng khi có nhu cầu mà lại đi vay số tiền của bà H với mức lãi suất cao gần 3 lần. Ngoài ra, ông còn diện tích đất nông nghiệp khoảng 150.000 m² nhưng không thể chấp vay ngân hàng với mức lãi suất thấp khoảng 8-9%/ năm mà lại đi vay tiền của bà H 24%/ năm.

Ông xác định ông không ghi, ký tên và lãn tay trong các giấy nhận nợ mà bà H cung cấp. Tuy nhiên, vào tháng 8/2015 bà H có nhờ ông Nguyễn Văn T2 là người mua đất của bà H vào nhờ ông ký tên giáp ranh, ông có ký tên, ghi họ tên và lãn tay vào tờ giấy ký giáp ranh do ông T2 đưa. Đặc điểm tờ giấy ông T2 đưa cho ông ký cụ thể như sau: Loại giấy là giấy A4, trong tờ giấy có kẻ ô để viết, ký tên giáp ranh chứ không phải ký trên tờ giấy tập giống như những biên nhận nợ mà bà H đã cung cấp. Khi ông T2 đem giấy lại cho ông ký có cầm sẵn viết cho ông ký tên, khi ký tên ông có ghi nội dung “không tranh chấp với bà H vì giữa ông với bà H có trụ đá ổn định lâu rồi”. Dòng chữ này được ghi trong ô vuông trên chữ ký của ông. Qua ngày hôm sau ông T2 tiếp tục đến gặp ông kêu ông lãn tay vào chữ ký do ông T2 nói trên huyện kêu phải lãn tay mới làm thủ tục chuyển nhượng được vì giữa ông và bà H có tranh chấp. Ông không đồng ý, có cự cãi qua lại cuối cùng

ông T2 năn nỉ ông nên ông mới lặn tay chùm lên chữ ký của ông, hộp mực lặn tay cũng do ông T2 chuẩn bị sẵn đưa tay cho ông lặn. Từ đó cho đến nay ông không ký tên, lặn tay vào bất kỳ văn bản nào khác.

Ngoài ra, giữa ông và bà H đã có mâu thuẫn từ tháng 6/2008 cho đến nay do hai bên tranh chấp ranh đất đã được Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân tỉnh K giải quyết buộc bà H phải trả đất cho ông. Từ đó cho đến nay hai bên không nhìn mặt nhau thì không có lí do gì bà H lại cho ông vay số tiền lớn như vậy. Vì vậy, ông không đồng ý trả cho bà H số tiền là 10.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật vì sự việc này là không có thật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Lưu Thị Xuân H1 trình bày: Bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà H vì vợ chồng bà không vay tiền của bà H. Bà chưa bao giờ gặp hay nói chuyện với bà H, gia đình bà thuộc diện giàu có ở địa phương nên không có nhu cầu vay số tiền lớn như vậy.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông xác định trước ngày 04/8/2018 vợ chồng S, bà H1 có đến gia đình ông hỏi vay tiền, ngày 04/8/2010 ông S đã đến hỏi vay số tiền là 5.000.000.000 đồng, ngày 24/8/2020 ông S tiếp tục vay số tiền là 10.000.000.000 đồng. Mỗi lần đến lấy tiền chỉ có 01 mình ông S lấy và đếm tiền, thời gian ông S đếm tiền khoảng từ 18h tối, mỗi lần nhận tiền ông S đều kiểm đếm, mệnh giá tiền loại 500.000 đồng/ tờ. Nguồn tiền gia đình ông có là do tích góp từ nhiều năm, nghề nghiệp của vợ chồng ông là cho vay và vợ chồng ông có canh tác khoảng 50 công đất ruộng.

Tại phiên tòa bà H xác định không vay tiền của ông T3, tuy gia đình bà có cho nhiều người vay số tiền rất lớn nhưng vẫn vay tiền Ngân hàng là do nhu cầu làm ăn nên cần xoay vốn. Gia đình bà có những tài sản bao gồm 48 ha đất tại A, P (nhận chuyển nhượng từ năm 2006 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và 05 ha đất tại huyện H, tỉnh Kiên Giang và khoảng 400 công đất đang yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giao trả. Nguồn thu nhập chính của gia đình bà từ việc cho vay vốn nhưng để đảm bảo tính bảo mật cho những người vay khác bà không thể cung cấp thông tin về những người vay. Gia đình bà trước nay cho vay nợ cũng không buộc bất cứ ai phải thế chấp tài sản để đảm bảo mà chỉ làm hợp đồng có xác nhận của các bên. Do vụ việc tranh chấp không liên quan đến tài sản của bà nên bà không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh về tài sản cũng như nguồn gốc thu nhập của gia đình bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Kim E trình bày: Chị là người viết giấy nợ ngày 24/8/2018, giấy nợ được lập thành 02 bản đều viết tay, ông S giữ một bản, gia đình chị giữ 01 bản. Gia đình chị có nguồn thu nhập chính

từ việc cho vay, tài sản của gia đình chị như lời trình bày của bà H là đúng. Ông T cũng biết rõ việc cho vay cũng như tài sản của gia đình nhưng gia đình chị từ chối cung cấp thông tin cũng như cung cấp chứng cứ liên quan đến tài sản, thu nhập của gia đình vì không liên quan đến vụ án. Tại thời điểm ông S lại nhận tiền vay chị và bà H là người trực tiếp giao tiền, loại tiền mệnh giá 500.000 đồng/ tờ, tổng cộng số tiền gia đình chị giao cho ông S là 20 cọc, mỗi cọc 500.000.000 đồng, ông S đếm tiền trong khoảng thời gian 02 giờ. Chị yêu cầu Tòa án căn cứ vào giấy nhận nợ của ông S đã được cơ quan Công an kết luận đúng dấu vân tay của ông S buộc ông S trả tiền vốn và lãi cho gia đình chị theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2020/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H buộc bị đơn là ông Lê Thành S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị Xuân H1 trả số tiền vay vốn gốc là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 04/8/2018 (dương lịch) cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà H có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông S và bà H1 trả số tiền vay vốn gốc là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 24/8/2018 (dương lịch) cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định và báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/10/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Bà H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Thành S phải trả cho nguyên đơn số tiền vốn là 10.000.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà. Buộc ông Lê Thành S phải trả cho bà số tiền vốn là 10.000.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Lê Thành S không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của bà H, do ông không có vay tiền của bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư **Phạm Khắc P** trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn, Bởi vì, kết luận giám định dấu vân tay của ông **S** trên biên nhận nợ ngày 24/8/2018 là của ông **S** được cơ quan có thẩm quyền giám định rất khoa học, chữ viết và chữ ký kết luận giám định nêu chưa đủ căn cứ kết luận chứ không phải kết luận là không phải của ông **S**, một số người làm chứng có họ hàng với ông **S** là không khách quan, bà **H** không bắt buộc phải chứng minh nguồn tiền cho vay hoặc việc bà **H** cho người khác vay vì bảo mật thông tin.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là Luật sư **Nguyễn Trần Thụy Q** trình bày: hoàn toàn thống nhất với nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm, mặc dù kết luận giám định dấu vân tay “TT” trên biên nhận nợ là của ông **S** nhưng không phù hợp sự thật khách quan, Luật sư phía nguyên đơn cho rằng kết luận giám định là khoa học nhưng dấu vân tay cũng có thể làm giả được, tại phiên tòa phía bị đơn cũng chứng minh được việc này, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà **Nguyễn Thị H**, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Nguyễn Văn T** vắng mặt nhưng có bà **H** là đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa, bà **Lưu Thị Xuân H1** vắng mặt, có ông **Lê Thành S** đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xử.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết, chấp nhận kháng cáo buộc ông **Lê Thành S** phải trả cho

nguyên đơn số tiền vốn là 10.000.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà **H** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Nguyễn Văn T**, chị **Nguyễn Thị Kim E** xác định ông **S** viết và ghi tên, số chứng minh nhân dân, lăn tay vào giấy nhận nợ ngày 24/8/2018 và giấy nhận nợ ngày 04/8/2018. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 446/KL-KTHS ngày 27 tháng 8 năm 2019 của **Phòng K1 - Công an tỉnh K** kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên **Lê Thành S** và chữ viết gồm các chữ "**Lê Thành S**" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (Giấy nợ ghi ngày 04/8/2018) và A2 (Giấy nợ ghi ngày 24/8/2018) so với chữ ký, chữ viết mang tên **Lê Thành S** trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 có phải do cùng một người ký, viết ra hay không? Vì vậy, không có căn cứ để xác định ông **S** đã ký tên và ghi họ tên vào Giấy nợ ngày 24/8/2018.

Tại giấy biên nhận nợ ngày 24/8/2018, ở mặt trước đã ghi thông tin họ tên, năm sinh, số chứng minh nhân dân, địa chỉ của ông **S** nhưng ở mục người vay lại lặp lại thông tin về họ tên, năm sinh, số chứng minh nhân dân trước khi ký tên, lăn tay là không phù hợp với logic bình thường của sự việc.

Bà **H** cho rằng nguồn tiền cho vay do gia đình bà tích góp nhưng bà không chứng minh được nguồn gốc số tiền này thu nhập từ đâu gia đình bà có được. Tại phiên tòa, bà **H** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị **Kim E** trình bày gia đình bà có nhiều tài sản có giá trị bao gồm 48 ha đất trồng cây hàng năm tại **A** nhận chuyển nhượng từ năm 2006 với giá 31 tỷ đồng, 05 ha đất trồng lúa tại **huyện H tỉnh Kiên Giang** và đang thực hiện thủ tục yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giao trả khoảng 40 ha đất tại **huyện H**. Ngoài ra, gia đình bà còn cho nhiều người khác ngoài ông **S** vay tiền có giá trị lên tới từ 15.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng. Nhưng, phía bà **H** từ chối cung cấp thông tin cũng như các tài liệu, chứng cứ chứng nguồn thu nhập, tài sản để chứng minh nguồn gốc số tiền cho vợ chồng ông **S** vay. Tại phiên tòa, bà **H** và chị **Kim E** cũng xác định ông **T** là chồng của bà **H** biết rõ nguồn gốc, tài sản của gia đình. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2020 ông **T** xác định gia đình ông có thu nhập chính từ việc cho vay và có canh tác 50 công đất (05 ha), ông xác định vợ chồng ông không trúng số hay có thu nhập từ nguồn nào khác. Bên cạnh đó, từ thời năm 2017 đến năm 2018 bà **H**, ông **T** cũng có vay tiền của Ngân hàng căn cứ theo văn bản số 08/CV-DAB-KG ngày 20/4/2020 của **Ngân hàng TMCP Đ2 - Chi nhánh K2** và có chuyển nhượng đất cho người khác theo bản án số 26/2019/DSST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bà **H**, ông **T** cho rằng cách ngày vay khoảng 03 - 04 ngày ông **S** cùng vợ là bà **H1** đến hỏi vay tiền nhưng đến ngày vay tiền thì chỉ có ông **S** đến và nhận tiền là

không hợp lý. Bởi, số tiền 10.000.000.000 đồng là số tiền rất lớn, không lí do gì bà H chỉ cho một mình ông S ký nhận và việc cho vay tiền không phải thế chấp bất cứ tài sản nào để đảm bảo nợ vay. Mặt khác, bà H1 cũng phủ nhận vấn đề này, bà H1 xác định từ trước đến nay bà không nói chuyện với bà H. Bà H trình bày khi ông S đến vay tiền chỉ có ông S và 05 thành viên của gia đình bà có mặt, không có bất kỳ người ngoài nào chứng kiến là không đảm bảo tính khách quan.

Bên cạnh đó, ông S đã cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh, trước thời điểm có giấy nợ ngày 24/8/2018 ông và những thành viên của gia đình ông là vợ ông - bà H1, con gái ông là Lê Kim T4 đều có tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng, vợ chồng ông cũng có nhiều bất động sản nhưng ông không thế chấp vay ngân hàng vì không có nhu cầu sử dụng vốn.

Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 23/9/2019 các ông, bà Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Mỹ A1, Đặng Văn K, Trần Minh H3, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn T6 xác định giữa bà H và ông S đã có mâu thuẫn tranh chấp đất đai từ năm 2006, đến năm 2015 vẫn chưa giải quyết dứt điểm nên khả năng bà H cho ông S vay số tiền rất lớn mà không cần thế chấp bất cứ tài sản nào là không có cơ sở.

Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 05/10/2020 các ông Lê Hữu T7, Lê Anh T8, Lê Hữu T9, Lê Văn Ú Mười Hai xác định 14/7/2018 và 15/7/2018 (âm lịch) tức ngày 24/8/2018 và 25/8/2018 (dương lịch) ông S có mặt tại Chùa Ngọc Châu xã N. Đại đức Thích Tuệ T10 là chủ trì Chùa N cũng xác nhận vào ngày 14, 15 tháng 7 năm 2018 âm lịch ông S có mặt tại chùa N. Do đó, việc bà H cùng những thành viên trong gia đình bà cho rằng vào khoảng 18 giờ ngày 24/8/2018 (dương lịch) ông S đến nhà bà vay số tiền 10.000.000.000 đồng và một mình ngồi đếm tiền bắt đầu từ 18 giờ, mệnh giá tiền 500.000 đồng là không có căn cứ. Tại phiên tòa, bà H xác định ông S đếm tiền trong khoảng thời gian 02 giờ là không hợp lý, bởi lẽ nếu tiền có mệnh giá 500.000 đồng thì 10.000.000.000 đồng tương đương 20.000 tờ, một người bình thường không có khả năng đếm được bằng đó trong khoảng thời gian 02 giờ. Tại phiên tòa, bà H trình bày ông S xé lẻ các cọc tiền để đếm, một tay giữ cố định một đầu cọc tiền, tay còn lại đếm là càng không có cơ sở. Bởi, ông S bị khuyết tật cụt một phần ngón tay cái của bàn tay phải mà ông S là người thuận tay phải. Do đó, ông S không thể đếm được số tiền 10.000.000.000 đồng trong thời gian 02 giờ vì thiếu điểm tựa để đếm tiền.

Ông S cho rằng lý do bà H có được dấu vân tay của ông do ông Nguyễn Văn T2 người mua đất của bà H vào nhờ ông ký tên giáp ranh, ông có ký tên, ghi họ tên và lấn tay vào tờ giấy ký giáp ranh do ông T2 đưa. Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 23/9/2019, 09/3/2020 các ông Nguyễn Văn S1, Lê Thái C, Trương Tấn Đ1 cũng xác định có sự việc ông T2 đưa cho ông S ký tên và lấn tay để làm thủ tục

sang tên chuyên nhượng đất. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/9/2020 ông T2 xác định không có sự việc này và tại phiên tòa bà H xác định cũng không có việc ông T2 thỏa thuận chuyên nhượng đất của bà. Tại phiên tòa phúc thẩm ông S cung cấp quy trình dấu vân tay cũng có thể làm giả được nhưng chỉ mang tính chất tham khảo vì không có cơ quan có thẩm quyền nào chứng nhận việc này. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định bà H đã làm giả dấu vân tay như lời trình bày của ông S.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy tại Kết luận giám định số 446/KL-KTHS ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Phòng K1 - Công an tỉnh K kết luận dấu đường vân trên Giấy nợ ngày 24/8/2018 so với dấu đường vân “TT” trên mẫu so sánh là của ông S nhưng chứng cứ này không phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án và không phù hợp với các tình tiết khác của vụ án.

Vì vậy, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H về việc buộc ông S bà H1 trả số tiền vay là 10.000.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, lời trình của ông S và Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Bà H không phải nộp án phí do là thân nhân liệt sỹ và có đơn xin miễn án phí.

[4] Về chi phí giám định:

Chi phí giám định tại cấp sơ thẩm là 3.500.000 đồng, chi phí giám định tại cấp phúc thẩm là 3.510.000 đồng, tổng cộng là 7.010.000 đồng, do yêu cầu của bà H không được chấp nhận nên bà phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 7.010.000 đồng, bà H đã nộp toàn bộ nên được khấu trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 463, 465, 466, và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2020/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Phần tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H buộc bị đơn là ông Lê Thành S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị Xuân H1 trả số tiền vay vốn gốc là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 04/8/2018 (dương lịch) cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông S và bà H1 trả số tiền vay vốn gốc là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 24/8/2018 cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H không phải chịu án phí do là thân nhân liệt sỹ.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H không phải chịu án phí do là thân nhân liệt sỹ.

4. Về chi phí giám định: Chi phí giám định tổng cộng là 7.010.000 đồng, bà H phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 7.010.000 đồng (Bảy triệu không trăm mười nghìn đồng), bà H đã nộp xong nên được khấu trừ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND H. Hòn Đất;
- THADS H. Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Triều

